TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2019/QĐST-HNGĐ	*Đồ Sơn, ngày 11 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị L, nơi cư trú: Tổ N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Anh Phạm Văn T, nơi cư trú: Tổ N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự cho thấy: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144 ngày 27-12-2002. Khoảng 15 năm đầu, chị L và anh T chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Sau đó, do anh T ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Thường xuyên cãi cọ, chửi bới và xúc phạm lẫn nhau. Anh T cũng đã thay đổi lối sống của bản thân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không khí gia đình luôn căng thẳng. Từ tháng 03 năm 2018 đến nay, chị L và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Cả chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức độ trầm trọng, càng chung sống thì càng mâu thuẫn nhiều nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo

quy định của pháp luật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không kéo dài; việc chị L và anh T thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 03 tháng 6 năm 2019 là có căn cứ cần được Tòa án công nhận theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Tr, sinh năm 1997 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 10-7-2003. Cháu Tr đã thành niên nên chị L và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L và anh T thỏa thuận giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con; cháu Th có nguyện vọng được ở với anh T; việc thỏa thuận nuôi con của chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của cháu Th nên cần được Tòa án công nhận theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị L và anh T thỏa thuận để chị L nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T thỏa thuận giao cháu Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 10-7-2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị L nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006993 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường